

Bản án số: 472/2024/DS-PT

Ngày: 06/9/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rên

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2518/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997, địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Lượm E, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

Người kháng cáo:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Lượm E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị X có tham gia các dây hụi do bà Lê Thị Thúy D làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 08/02/2020 (15/01/2020 âm lịch), gồm 25 phần, bà X tham gia 01 phần, bà X1 hốt chót được số tiền 23.500.000 đồng nhưng bà D chưa giao cho bà X số tiền này. Dây hụi này có ghi giấy hụi ghi tên cô 5 ấp A (Trơn).

Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 05/11/2020 (20/9/2020 âm lịch) gồm 25 phần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 15 phần hụi sống đến ngày 23/12/2021 với số tiền 22.600.000 đồng, bà D chưa giao số tiền này cho bà X, hụi mãn ngày 20/9/2022 âm lịch (trong giấy hụi ghi thím 5 Trơn).

Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 09/7/2021 (30/5/2021 âm lịch) gồm 25 phần, bà X tham gia 03 phần, 03 phần này bà X mua hụi của bà D, ông Lượm E để chơi đến khi mãn hụi, mỗi phần hụi là 19.200.000 đồng x 03 phần là 57.750.000 đồng, bà D chưa giao cho bà X số tiền này, hụi mãn ngày 30/5/2023 âm lịch, các phần hụi này không có danh sách hụi viên, bà D chỉ ghi vào sổ theo dõi đóng hụi.

Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 22/8/2021 (15/7/2021 âm lịch) gồm 25 phần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 05 phần hụi sống đến tháng 12 năm 2021 với số tiền 7.600.000 đồng, bà D chưa giao số tiền này cho bà X, hụi mãn ngày 15/7/2022 âm lịch (không có danh sách hụi viên, bà D chỉ ghi vào sổ theo dõi đóng hụi).

Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 20/10/2021 (15/9/2021 âm lịch) gồm 25 phần, bà X tham gia 01 phần, đóng được 03 phần hụi sống đến tháng 12 năm 2021 với số tiền 2.300.000 đồng, bà D chưa giao số tiền này cho bà X, hụi mãn ngày 15/9/2022 âm lịch (không có danh sách hụi viên, bà D chỉ ghi vào sổ theo dõi đóng hụi).

Tổng cộng số tiền bà X đã đóng cho bà D là 113.750.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em là chồng của bà D có trách nhiệm liên đới trả số tiền 113.750.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Thúy D đều vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án nên không có lời trình bày.

Theo đơn trình bày ý kiến đề ngày 13/5/2024 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em trình bày:

Ông được biết bà D chơi hụi nhưng chơi với ai, hợp đồng ra sao, đóng hụi ở đâu, ai là người nhận tiền thì ông hoàn toàn không biết nên việc bà X chơi hụi với bà D ông không nghe thấy, chỉ khi nhận được thông báo của Tòa án thì ông mới biết nhưng vẫn không biết bà X là ai. Quan hệ giữa ông và bà D chỉ còn hôn nhân trên giấy tờ, ông bà đã ly thân, ông và bà D đã có sự độc lập trong việc quản lý cuộc sống cá nhân, không can thiệp vào việc riêng của nhau, mạnh ai nấy sống, thêm vào đó việc bà D tham gia chơi hụi hoàn toàn là quyết định cá nhân của bà, ông không hề tham gia, ông không có sử dụng tiền từ việc chơi hụi của bà D, đây là khoản nợ riêng của bà D do đó ông không có nghĩa vụ liên đới phải trả nợ bà X cùng bà D.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền là 70.436.135 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 57.750.000 đồng, tiền lãi là 12.686.135 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Lê Thị Thúy D, ông Phạm Văn L Em trả đối với số tiền 56.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị X kháng cáo để yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em có nghĩa vụ liên đới trả cho bà thêm số tiền hụi là 56.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Phạm Văn Lượm E kháng cáo không đồng ý việc Toà án buộc ông có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lê Thị Thúy D trả tiền nợ hụi và tiền lãi cho bà Lê Thị X2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần kháng cáo chỉ yêu cầu bà D, ông Lượm E trả thêm số tiền nợ hụi của 02 dây hụi khai ngày 08/02/2020, ngày 05/11/2020 và số tiền lãi đối với 02 dây hụi này, còn các dây hụi khai ngày 22/8/2021, 20/10/2021 thì nguyên đơn yêu cầu được rút kháng cáo vì các chứng cứ cho dây hụi này không rõ ràng, không thể hiện danh sách hụi viên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của nguyên đơn do người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần kháng cáo đối với dây hụi khai ngày 22/8/2021, 20/10/2021; Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với dây hụi khai ngày 08/02/2020, ngày 05/11/2020; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, ông Phạm Văn L Em trong thời hạn qui định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị X rút một phần kháng cáo đối với số tiền của dây hụi khai ngày 22/8/2021, 20/10/2021, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bà X theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lượm E có đơn kháng cáo, đã được Toà án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lượm E theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà X khởi kiện yêu cầu bà D và ông Lượm E (chồng bà D) phải trả cho bà số tiền hụi là 113.750.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vì cho rằng bà có tham gia 05 dây hụi 1.000.000 đồng do bà Lê Thị Thúy D làm chủ gồm: Dây hụi khai ngày 08/02/2020 (15/01/2020 âm lịch), bà hốt cuối được số tiền 23.500.000 đồng; Dây hụi khai ngày 05/11/2020 (20/9/2020 âm lịch) bà đóng được số tiền 22.600.000 đồng; Dây hụi khai ngày 09/7/2021 (30/5/2021 âm lịch), bà X mua 03 phần hụi của bà D mỗi phần hụi là 19.200.000 đồng x 03 phần là 57.750.000 đồng; Dây hụi khai ngày 22/8/2021 (15/7/2021 âm lịch) bà X đóng được số tiền 7.600.000 đồng; Dây hụi khai ngày 20/10/2021 (15/9/2021 âm lịch) bà X đóng được số tiền 2.300.000 đồng. Bà X có cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy ghi số tiền hụi (BL 32, 33, 37, 38, 39, 40). Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà X đối với số tiền vốn gốc là

57.750.000 đồng và tiền lãi phát sinh; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X đối với số tiền gốc 56.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, nguyên đơn bà X cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy ghi số tiền hụi, có thể hiện danh sách hụi viên, số tiền hụi đã đóng cho bị đơn đối với các dây hụi khai ngày 08/02/2020, 05/11/2020, 09/7/2021. Toà án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án, không có ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em là chồng bà D cũng thừa nhận việc bà D có làm chủ hụi nên có căn cứ cho rằng bà X đã tham gia chơi các dây hụi khai ngày 08/02/2020, 05/11/2020, 09/7/2021 do bà D làm chủ theo các giấy ghi số tiền hụi mà bà X cung cấp.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần kháng cáo là chỉ yêu cầu bà D, ông Lượm E trả thêm số tiền nợ hụi và tiền lãi đối với các dây hụi ngày 08/02/2020, ngày 05/11/2020. Các dây hụi khác thì nguyên đơn không kháng cáo, do đó Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn bà D và ông Lượm E phải trả cho bà X số tiền hụi (tiền gốc) là 103.850.000 đồng theo các dây hụi mở ngày 08/02/2020, 05/11/2020, 09/7/2021.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà D chậm giao tiền hụi cho bà X là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần hụi (họ). Do đó, cần buộc bà D và ông Lượm E phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi cho bà X tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 103.850.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng 14 ngày = 22.813.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà D và ông Lượm E phải trả cho bà X là 126.663.000 đồng.

[5] Ông Phạm Văn L Em có đơn kháng cáo không đồng ý về trách nhiệm liên đới cùng với bà D liên quan đến số nợ của bà X. Xét thấy, ông Lượm E đã được Toà án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do và không có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lượm E.

[6] Do ông Lượm E là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và ông Lượm E có đơn xin miễn nộp

án phí. Căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lượm E thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định, cụ thể miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lượm E.

[7] Bà Nguyễn Thị X kháng cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;
Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E.

Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X đối với số tiền của dây hụi khui vào các ngày 22/8/2021, ngày 20/10/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị X; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn Lượm E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền là 126.663.000 (một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn) đồng, trong đó tiền vốn gốc là 103.850.000 (một trăm lẻ ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng, tiền lãi là 22.813.000 (hai mươi hai triệu, tám trăm mười ba nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Lê Thị Thúy D, ông Phạm Văn L Em trả số tiền đối với dây hụi mở ngày 22/8/2021, 20/10/2021 là 9.900.000 (chín triệu, chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Thúy D, ông Phạm Văn L Em có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 6.333.150 (sáu triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, một trăm năm mươi) đồng. Tuy nhiên ông Lượm E được miễn án phí dân sự sơ thẩm, do đó bà D có trách nhiệm chịu án phí là 3.166.575 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị X được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Đạt